

Xu hướng vĩ mô

Tăng trưởng kinh tế chậm chạp trong quý 1

Tăng trưởng thương mại kém khởi sắc

Tháng 2 ghi nhận hoạt động thương mại chậm lại đáng kể so với tháng 1 do ảnh hưởng bởi kỳ nghỉ Tết kéo dài. Thêm vào đó, sự sụt giảm nhu cầu đối với sản phẩm điện tử cũng là một nguyên nhân dẫn tới xuất khẩu giảm. Với tình hình triển khai tiêm chủng vắc-xin của các thị trường xuất khẩu chính diễn ra nhanh và các gói tài khóa khổng lồ, chúng tôi kỳ vọng tiêu dùng của các thị trường xuất khẩu lớn sẽ được cải thiện và là động lực thúc đẩy thương mại trong tháng tới. Do đó, chúng tôi dự đoán xuất nhập khẩu trong 03/2021 sẽ tăng lần lượt 11.62% n/n và 10.96 n/n.

Lạm phát được dự đoán chậm lại trong tháng 3

Chỉ số CPI của tháng 02 có mức tăng rất mạnh so với tháng trước do sự tăng giá của các nhóm lương thực thực phẩm (F&Fs), giao thông, và nhà ở và vật liệu xây dựng (HCM). Chúng tôi kỳ vọng giá lương thực thực phẩm và giá giao thông sẽ tăng chậm hơn vì giá thịt heo và giá xăng dầu có xu hướng giảm lại. Bên cạnh đó, giá điện trong tháng 3 dường như không có sự điều chỉnh. Do đó, chúng tôi dự đoán chỉ số CPI trong 03/2021 sẽ tăng 0.4% t/t, tương ứng với 1.83% n/n.

Tăng trưởng công nghiệp đối mặt thử thách

Ngành công nghiệp giảm mạnh trong tháng 02 làm gia tăng mối lo ngại về tính bền vững của tăng trưởng công nghiệp trong tương lai. Một số ngành công nghiệp chính cho thấy các dấu hiệu đáng lo ngại khi đã giảm vượt trội hơn so với tốc độ giảm của toàn ngành. Kết quả trong tháng 03 có thể sẽ cho thấy một bức tranh rõ nét hơn. Từ dự phòng của chúng tôi, chỉ số IIP tháng 03/2021 có thể phục hồi trong khoảng 19%-21% t/t, tương ứng với 4.5%-6.5% n/n.

Chỉ số vĩ mô

(Tỷ USD, %, % q/q, % n/n)

	1Q20	2Q20	3Q20	4Q20F	2019	2020F	2021F
GDP	3.82	0.36	2.62	4.48	7.02	2.91	5.94
Cán cân thương mại	3.82	1.92	10.72	2.54	10.42	19.01	1.77
CPI	4.87	3.17	2.98	0.19	5.23	3.24	2.41
Lãi suất chiết khấu	3.50	3.00	3.00	3.00	4.00	3.00	3.00
VND/USD	23,264	23,206	23,188	23,252	23,231	23,255	23,246
GDP Mỹ	(4.80)	(34.20)	NA	7.90	2.3	(5.70)	3.90
GDP Trung Quốc	(6.80)	1.10	NA	6.00	6.10	1.80	8.00

Nguồn: KIS

Nội dung

I. Tăng trưởng thương mại kém khởi sắc.....	1
II. Lạm phát dự đoán chậm lại trong tháng 3.....	4
III. Ngành bán lẻ tiếp tục đà tăng trưởng.....	6
IV. Dòng vốn FDI chạm mức đỉnh 1 năm	7
V. Tăng trưởng công nghiệp đối mặt thách thức	10
VI. Ngân sách thặng dư 78.6 nghìn tỷ đồng.....	14
Bảng điểm vĩ mô.....	16

Ý Nguyễn

y.nt@kisvn.vn

Tuấn Đoàn

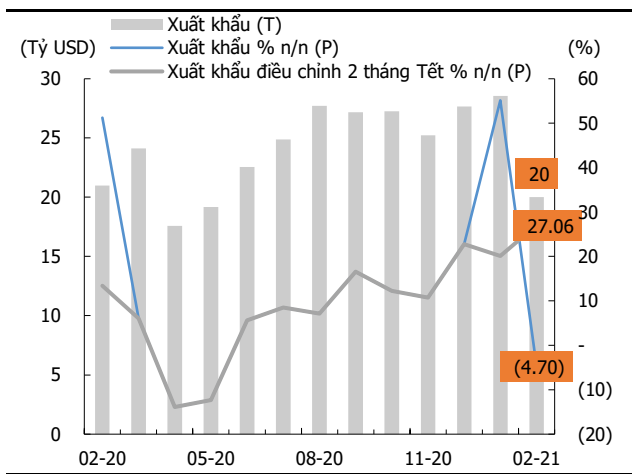
tuan.doan@kisvn.vn

I. Tăng trưởng thương mại kém khởi sắc

Tăng trưởng thương mại mất đà tăng trong dịp Tết

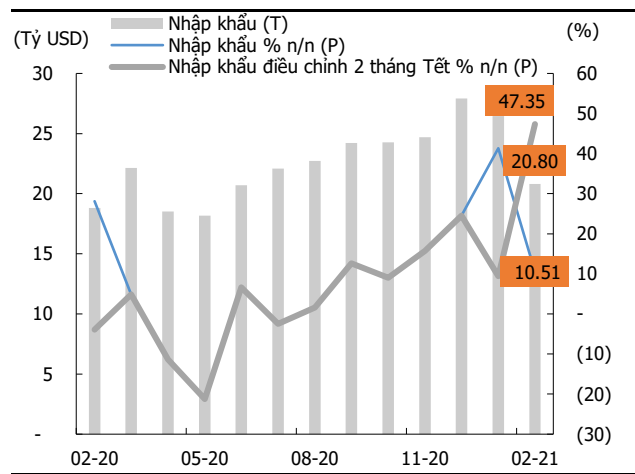
Tháng 2 ghi nhận hoạt động thương mại chậm lại so với tháng 1 do ảnh hưởng bởi kỳ nghỉ Tết kéo dài. Theo Tổng cục Thống kê, giá trị nhập khẩu, theo ước tính của GSO, đạt 20.80 tỷ USD, tăng 10.53% n/n, tốc độ tăng trưởng chỉ khoảng 1/4 so với gần đây, trong khi giá trị xuất khẩu thậm chí giảm 4.70% so với cùng kỳ xuống còn 20.00 tỷ USD. Sau khi điều chỉnh ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết, tốc độ tăng xuất khẩu và nhập khẩu ước tính đạt 27.06% n/n và 47.25% n/n. Cán cân thương mại ước tính thâm hụt 0.8 tỷ USD trong tháng này. Tính lũy kế hai tháng đầu năm, giá trị xuất nhập khẩu tăng lần lượt 23.25% n/n và 25.87% n/n, đạt lần lượt 42.55 tỷ USD và 47.26 tỷ USD.

Hình 1. Xuất khẩu



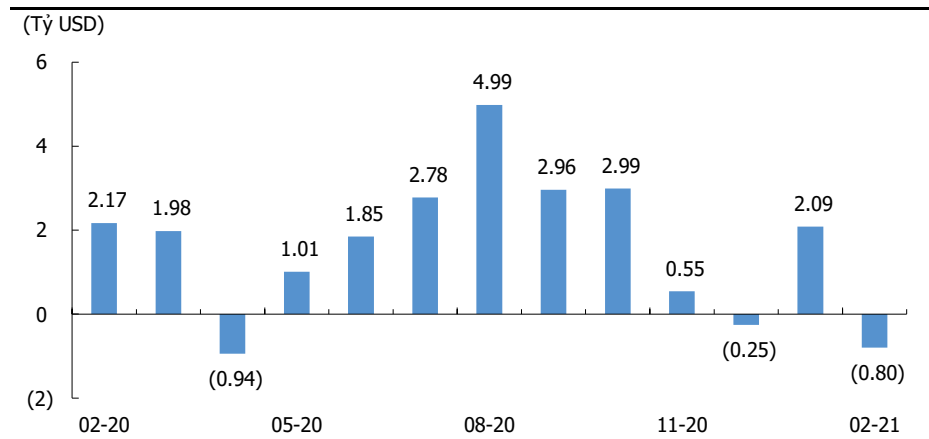
Nguồn: KIS, GSO

Hình 2. Nhập khẩu



Nguồn: KIS, GSO

Hình 3. Cán cân thương mại Việt nam



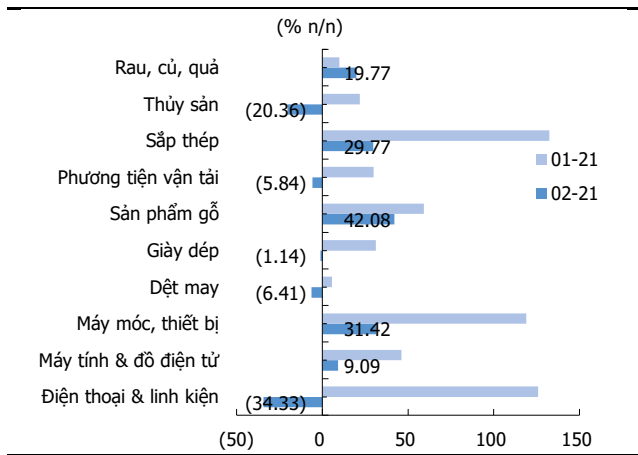
Nguồn: KIS, GSO

Việc xuất khẩu giảm đà tăng trong tháng này theo ghi nhận là do xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu như CEPP, METI, và TMPP chậm đi đáng kể. Đối với mặt hàng TMPP, giá trị xuất khẩu của nhóm này chỉ đạt 3.20 tỷ USD, giảm 34.33% n/n, kéo tăng trưởng xuất khẩu chung giảm 7.97%. Trong khi đó, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu các mặt hàng CEPP và METI giảm hơn phân nửa so với tháng 1, chỉ đạt 1.19% n/n và 2.51% n/n. Nhóm hàng dệt may và giày da cũng

ghi nhận mức giảm trong tháng sau khi đợt tăng trưởng những tháng gần đây.

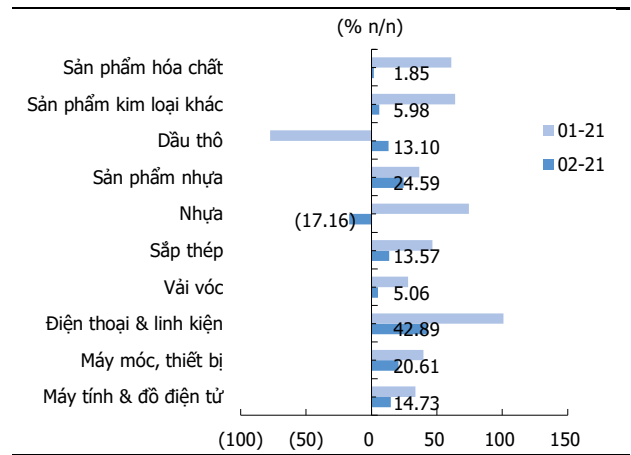
9/10 mặt hàng nhập khẩu chính cũng giảm tốc tương tự nhưng tốc độ giảm chậm hơn so với hoạt động xuất khẩu. Đáng chú ý, giá trị nhập khẩu của CEPP, METI và TMPP lần lượt tăng 14.73% n/n, 20.61% n/n và 42.89% n/n, đạt 5.20 tỷ USD, 2.90 tỷ USD và 1.35 tỷ USD. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng này chỉ khoảng 50% so với tháng 1. Ở chiều ngược lại, nhập khẩu dầu thô đạt 0.54 tỷ USD, tăng 90.58% n/n và góp phần vào tăng trưởng nhập khẩu.

Hình 4. Top 10 mặt hàng xuất khẩu



Nguồn: KIS, GSO

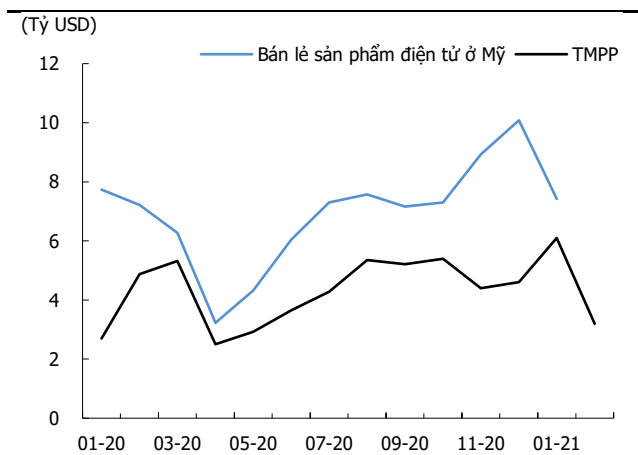
Hình 5. Top 10 mặt hàng nhập khẩu



Nguồn: KIS, GSO

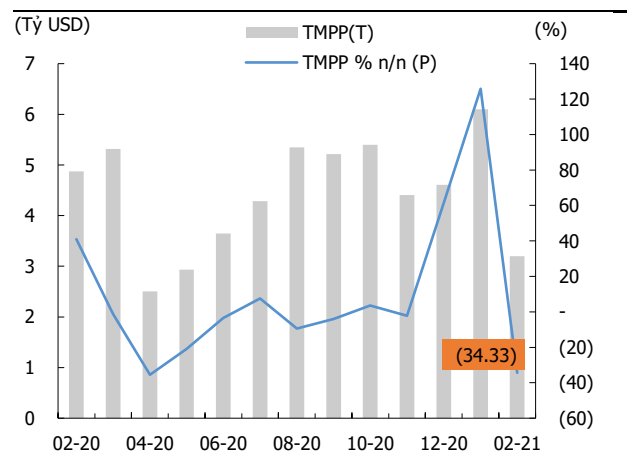
Ngoài tác động của kỳ nghỉ Tết kéo dài, còn một số nguyên nhân khác ảnh hưởng đến các hoạt động xuất nhập khẩu trong tháng này. Đầu tiên, nhu cầu với thiết bị điện tử của thị trường Mỹ có xu hướng giảm, dẫn tới mức giảm sâu hơn trong giá trị xuất khẩu TMPP nếu so với các sản phẩm khác. Cụ thể, doanh thu bán lẻ các thiết bị điện tử trong tháng 01 giảm 26.41% t/t xuống còn 7.41 tỷ USD và là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụt giảm giá trị xuất khẩu của các nhà cung cấp nước ngoài, bao gồm cả Việt Nam. Tuy nhiên, khả năng tăng tốc việc tiêm chủng vắc-xin và kỳ vọng về gói cứu trợ 1,900 tỷ USD của ông Biden khiến người tiêu dùng lạc quan hơn về triển vọng kinh tế và thu nhập. Bên cạnh đó, niềm tin người tiêu dùng ở Nhật Bản, Hàn Quốc, và Châu Âu cũng đã cải thiện tháng kể trong tháng này.

Hình 6. Xuất khẩu TMPP và bán lẻ sản phẩm điện tử ở Mỹ



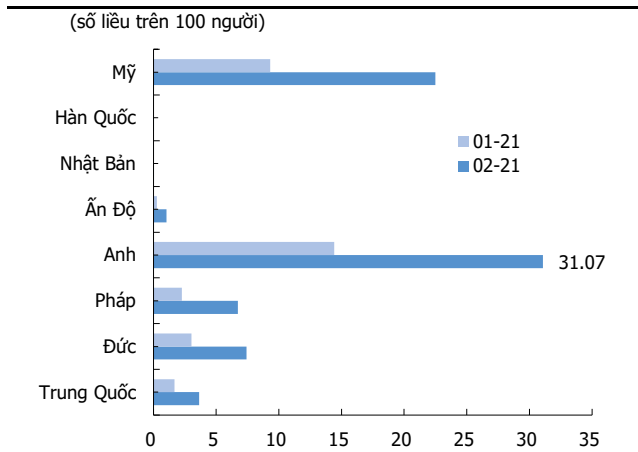
Nguồn: KIS, GSO

Hình 7. Giá trị xuất khẩu TMPP



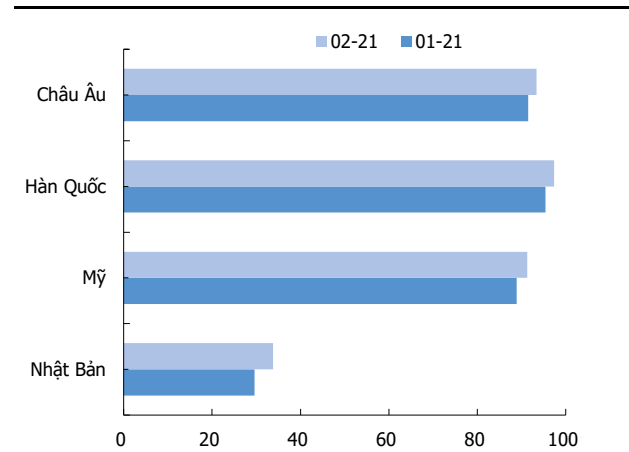
Nguồn: KIS, GSO

Hình 8. Tình hình tiêm chủng vắc-xin



Nguồn: KIS, GSO

Hình 9. Chỉ số niềm tin người tiêu dùng

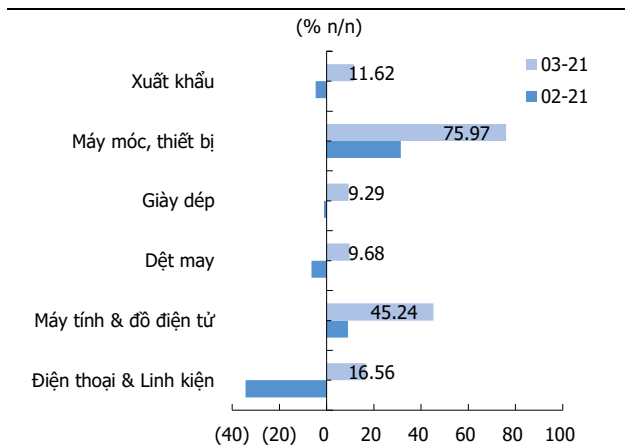


Nguồn: KIS, GSO

DỰ BÁO:

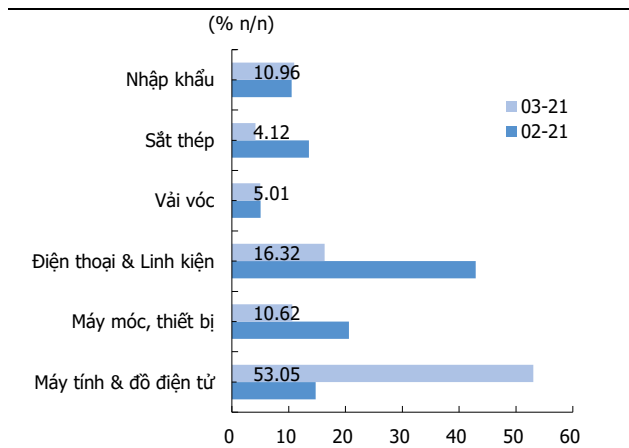
- Yếu tố thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu: Gói hỗ trợ tài khóa khổng lồ của Mỹ và quá trình triển khai tiêm chủng vắc-xin trên toàn cầu sẽ giúp thúc đẩy niềm tin người tiêu dùng.
- Yếu tố kìm hãm xuất khẩu: (1) Nhu cầu với sản phẩm điện tử, công nghệ ở nước ngoài có xu hướng giảm và tạo áp lực giảm đối với xuất khẩu các mặt hàng TMPP, CEPP.
- Chúng tôi dự báo xuất nhập khẩu trong tháng 03/2021 sẽ tăng trưởng lần lượt 11.62% n/n và 10.96 n/n.

Hình 10. Dự báo xuất khẩu



Nguồn: KIS, GSO

Hình 11. Dự báo nhập khẩu



Nguồn: KIS, GSO

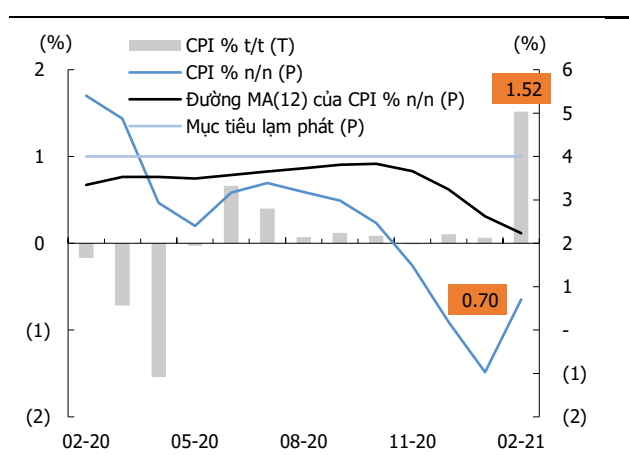
II. Lạm phát dự đoán chậm lại trong tháng 3

Giá năng lượng và lương thực đẩy mạnh CPI

Theo dữ liệu từ GSO, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng rất mạnh so với tháng trước do giá các nhóm lương thực, thực phẩm (F&Fs), giao thông, nhà ở và vật liệu xây dựng (HCM) ghi nhận mức tăng cao. CPI trong tháng 2 tăng 1.52% t/t, là mức mức tăng cao nhất trong 8 năm. Về đóng góp của từng ngành, giá cả nhóm F&Fs, giao thông và HCM tăng lần lượt 1.61% t/t, 1.55% t/t và 4.00% t/t, cao hơn nhiều so với tháng trước và là yếu tố chính đóng góp CPI tăng. Nhìn chung, ba ngành này đã đóng góp 1.35 điểm phần trăm vào mức tăng theo tháng của CPI. Tết Âm lịch là lý do khiến giá lương thực thực phẩm tăng, trong khi giá dầu thô leo thang gần đây đã gây lạm phát cao với giá cả nhóm giao thông.

So với cùng kỳ năm 2020, CPI tăng ở mức thấp chỉ 0.7% n/n, cao hơn 167 đcb so với mức trước đó. Do đó, lạm phát trung bình 12 tháng chỉ ở mức 2.23%, thấp hơn 167 đcb so với mục tiêu đặt ra là 4%.

Hình 12. Chỉ số CPI



Nguồn: GSO, KIS

Bảng 1. CPI theo ngành

Nhóm ngành	Tỷ trọng (%)	% t/t	% n/n
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	36.12	1.61	2.39
Đồ uống và thuốc lá	3.59	0.90	2.00
May mặc, mũ nón, giày dép	6.37	0.25	0.86
Nhà ở và vật liệu xây dựng	15.73	4.00	0.33
Thiết bị và đồ dùng gia đình	7.31	0.20	0.61
Thuốc và dịch vụ y tế	5.04	0.01	0.24
Giao thông	9.37	1.55	(6.55)
Bưu chính viễn thông	2.89	0.03	(0.50)
Giáo dục	5.99	-	4.49
Văn hóa, giải trí và du lịch	4.29	0.13	(2.07)
Hàng hóa và dịch vụ khác	3.3	0.74	1.99
Chỉ số giá tiêu dùng		1.52	0.70

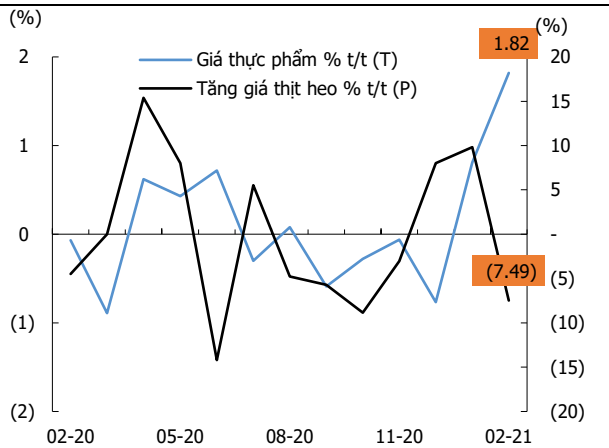
Nguồn: GSO, KIS

Về tác động của giá cả hàng hóa trong cơ cấu CPI, giá thịt heo giảm 7.49% từ mức cao nhất trong (ghi nhận vào cuối tháng 1), đạt 76.6 nghìn/ kg. Tuy nhiên, ảnh hưởng của đà tăng mạnh trước Tết của nhóm thực phẩm lên CPI có độ trễ nhất định, và là lý do chính làm gia tăng giá cả nhóm lương thực thực phẩm trong tháng.

Giá xăng dầu cũng kéo dài chuỗi tăng tháng thứ 4 liên tục khi giá xăng E5RON92 và RON95 tháng 02/2021 tăng lần lượt 4.43% t/t và 4.71% t/t, giá đạt lần lượt 17,031 đồng/ lít và 18,084 đồng/ lít. Tuy nhiên mức tăng trên chậm lại tương đối so với tháng trước, khiến giá cả ngành giao thông tăng 1.55% t/t, thấp hơn 74 điểm cơ bản so với cùng kỳ.

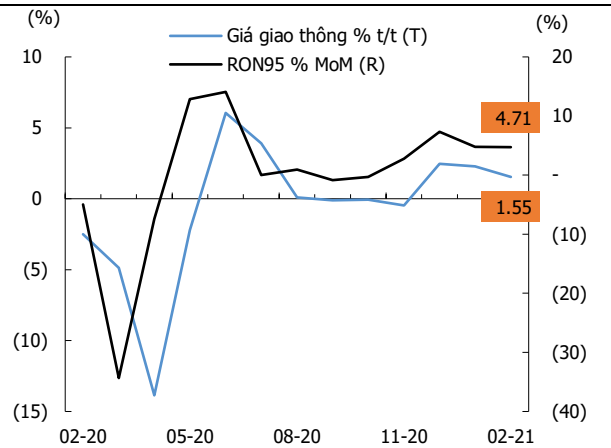
Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng mạnh trong tháng này chủ yếu đến từ sự điều chỉnh giá điện, khi Tập đoàn Điện lực chấm dứt chương trình hỗ trợ tiền điện do ảnh hưởng của đại dịch COVID19 trong tháng 1.

Hình 13. Giá thịt heo và thực phẩm



Nguồn: KIS, Bloomberg

Hình 14. Dịch biến của Giá dầu thành phẩm

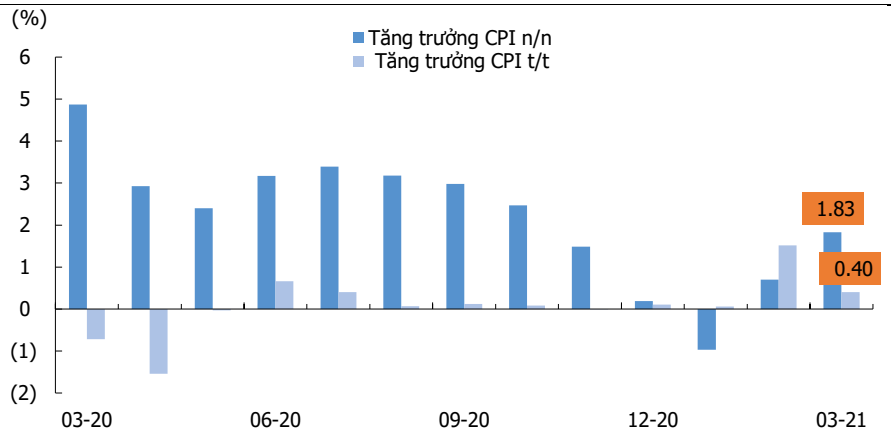


Nguồn: KIS, Bloomberg

DỰ BÁO:

- Giá thịt heo giảm sẽ có thể kéo dài sẽ gây áp lực giảm giá lên giá nhóm lương thực thực phẩm.
- Giá điện tháng 03 dường như sẽ không có sự điều chỉnh. Vì vậy, đà tăng giá nhà ở và vật liệu xây dựng sẽ bị suy yếu.
- Giá xăng dầu nội địa có xu hướng chững lại, kéo theo sự chậm lại trong đà tăng của giá giao thông.
- Cuối cùng, chúng tôi dự báo chỉ số CPI trong tháng 03/2021 tăng 0.4% t/t, tương ứng 1.83% n/n

Hình 15. Dự báo chỉ số CPI tháng 03/2021



Nguồn: GSO, KIS

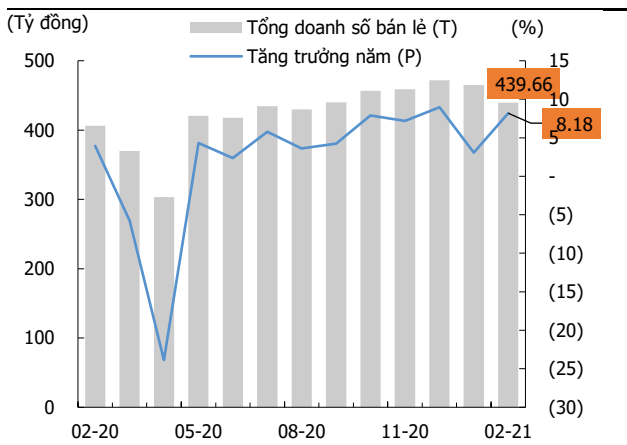
III. Ngành bán lẻ tiếp tục đà tăng trưởng

Đà tăng trưởng ngành bán lẻ được cải thiện

Doanh số ngành bán lẻ tiếp tục tăng tốc trong tháng 2 nhờ vào sự cải thiện từ lĩnh vực bán lẻ hàng hóa & dịch vụ cũng như lĩnh vực dịch vụ lưu trú & ăn uống (A&C). Theo ước tính của GSO, doanh số bán lẻ trong tháng 2/2021 tăng tốc khi tăng trưởng đạt mức 8.18% n/n, cao hơn 5.11 điểm phần trăm so với tháng trước. Tăng trưởng trong lĩnh vực bán lẻ là nguyên nhân chính dẫn đến sự dịch chuyển của tăng trưởng chung cả ngành. Hoạt động bán lẻ tăng 10.48% n/n, gần gấp đôi tốc độ tăng trưởng trước đó, đạt 354.54 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ, doanh thu của lĩnh vực A&C hồi phục về gần mức cùng kỳ năm ngoái, chỉ giảm nhẹ 0.12% n/n, tốt hơn nhiều so với kết quả của tháng 1.

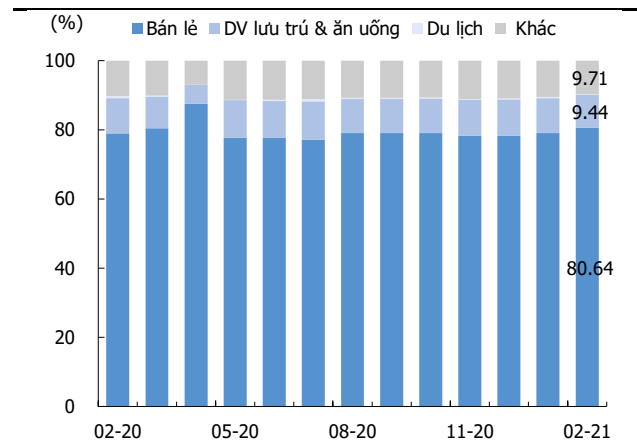
Theo cơ cấu, giá trị bán lẻ tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 80.64% tổng doanh thu ngành, trong đó lĩnh vực A&C và du lịch chiếm 9.65% tổng doanh số.

Hình 16. Doanh số bán lẻ hàng tháng



Nguồn: GSO, KIS

Hình 17. Cơ cấu doanh số bán lẻ

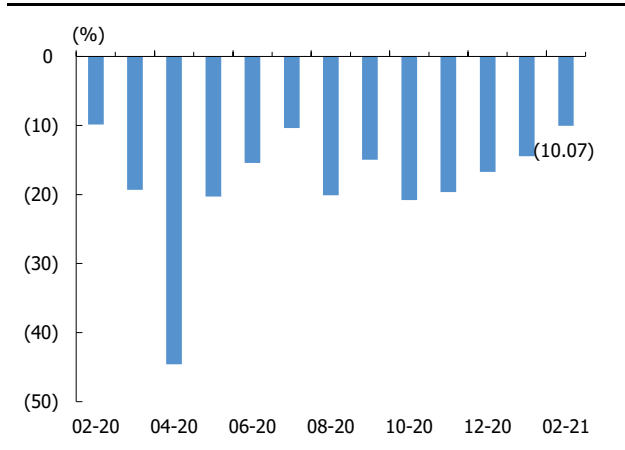


Nguồn: GSO, KIS

DỰ BÁO:

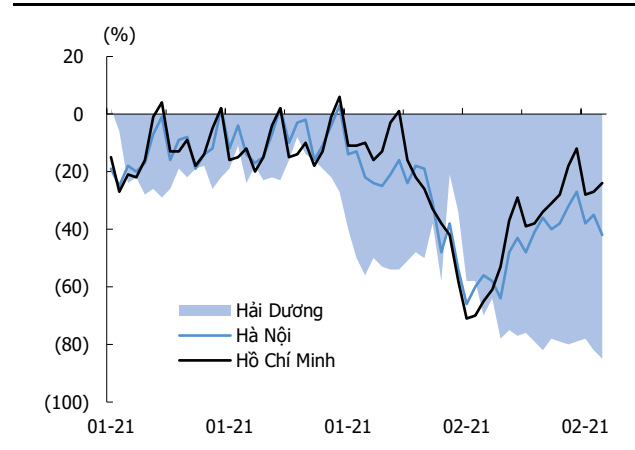
Các nỗ lực kiểm chế sự lây lan của đợt bùng phát COVID-19 đang đạt được những thành công vượt bậc. Với việc kiểm soát tốt dịch bệnh, các hoạt động kinh doanh dịch vụ cũng dần dần được mở cửa. Chúng tôi kỳ vọng xu hướng này sẽ duy trì và khuyến khích doanh số bán lẻ tăng tốc trong giai đoạn tiếp theo.

Hình 18. Tính dịch chuyển của hoạt động giải trí và bán lẻ



Nguồn: GSO, KIS, Google LLC "Google COVID-19 Community Mobility Reports"
Ghi chú: mức độ dịch chuyển được tính toán theo phần trăm thay đổi so với mức

Hình 19. Tính dịch chuyển của hoạt động giải trí và bán lẻ theo tỉnh



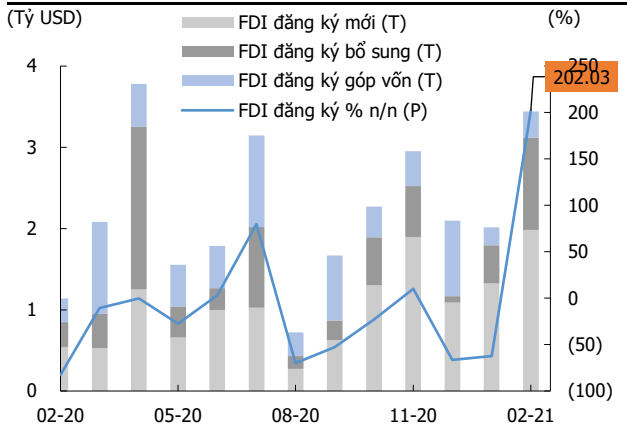
IV. Dòng vốn FDI chạm mức đỉnh 1 năm

FDI đăng ký mới chạm mức đỉnh 1 năm

Trái ngược với các dự đoán của chúng tôi về hoạt động FDI có thể sẽ chậm lại trong tháng Tết, tháng 2 đã chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ của dòng vốn đầu tư nước ngoài với những dự án đầu tư lớn được ghi nhận. Trong tháng, tổng vốn đăng ký tăng lên mức cao nhất trong vòng 10 tháng là 3.44 tỷ USD (+202% n/n), chủ yếu từ nguồn vốn FDI đăng ký mới.

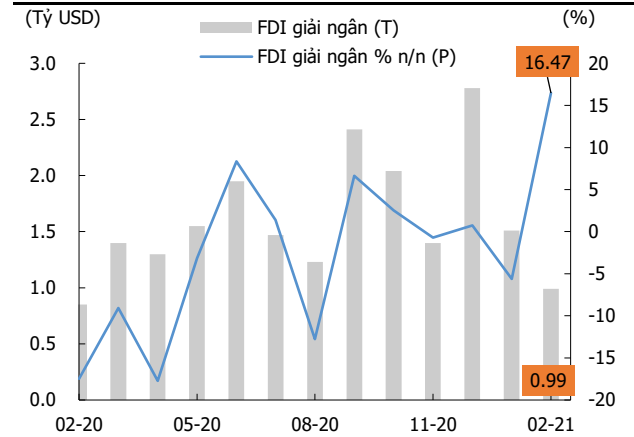
Phân loại theo loại hình đầu tư, vốn FDI đăng ký mới đạt mức kỷ lục trong vòng 13 tháng, ở mức 1.99 tỷ USD. Bên cạnh đó, nguồn vốn bổ sung cho các dự án FDI hiện tại cũng ghi nhận mức cao nhất kể từ tháng 4, đạt 1.13 tỷ USD, trong khi lượng FDI góp vốn và mua cổ phần vẫn ở mức thấp, chỉ đạt 0.32 tỷ USD. Mặt khác, kỳ nghỉ Tết kéo dài đã ảnh hưởng đến hoạt động giải ngân. Lượng vốn giải ngân giảm xuống mức thấp nhất trong 1 năm ở mức 0.99 tỷ USD (+16.47% n/n), tuy nhiên ảnh hưởng này chỉ diễn ra trong ngắn hạn.

Hình 20. FDI đăng ký



Nguồn: MPI, KIS

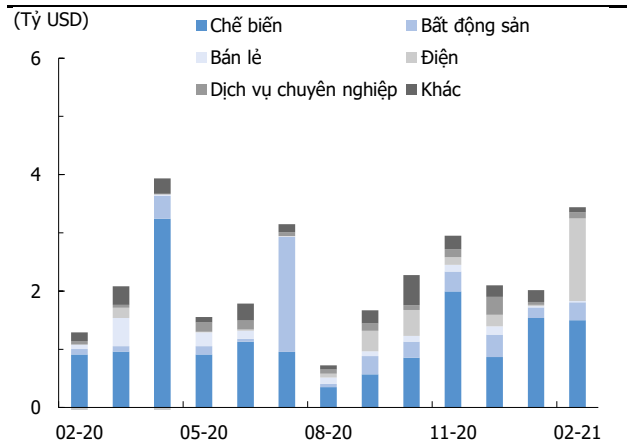
Hình 21. FDI giải ngân



Nguồn: MPI, KIS

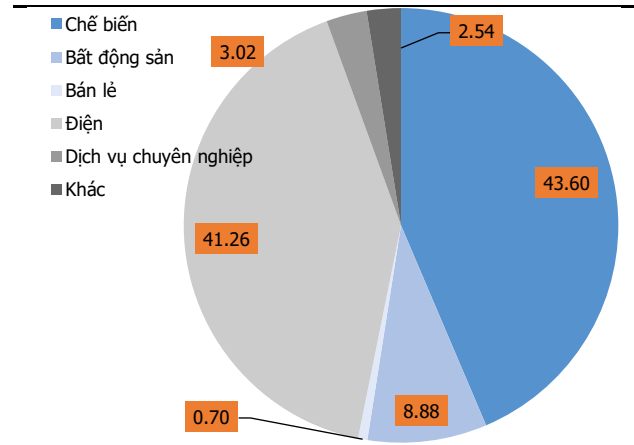
Hai lĩnh vực thu hút vốn FDI nhiều nhất là sản xuất & chế biến và sản xuất & phân phối điện, chiếm lần lượt 43.6% và 41.26% trong tổng vốn FDI đăng ký, tương ứng 1.5 tỷ USD và 1.42 tỷ USD. Lĩnh vực bất động sản xếp thứ ba với 0.31 tỷ USD, khoảng 8.88% trong tổng vốn FDI. FDI đăng ký ở các lĩnh vực khác như bán lẻ, khoa học công nghệ, v.v... ghi nhận không đáng kể

Hình 22. FDI đăng ký theo nhóm ngành



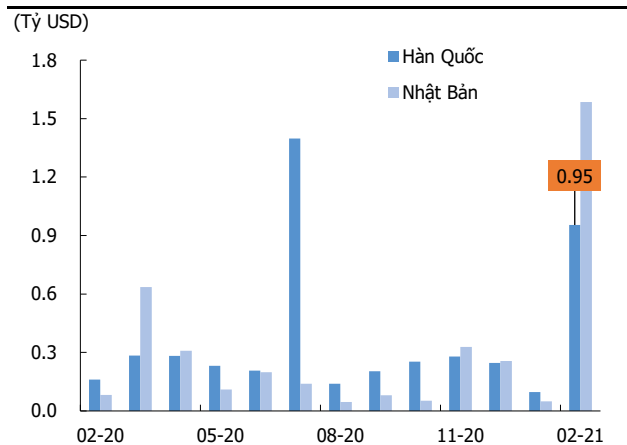
Nguồn: MPI, KIS

Hình 23. Cơ cấu FDI đăng ký

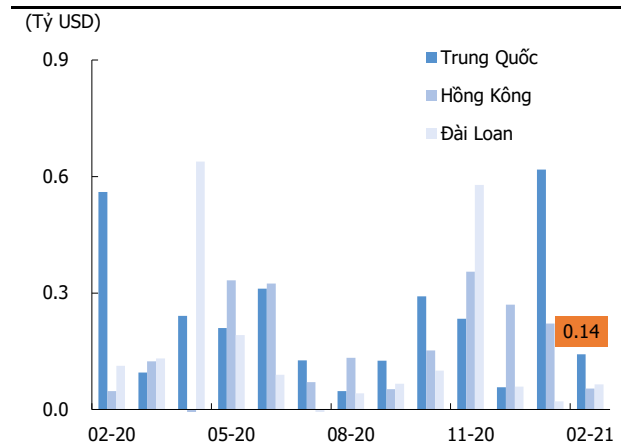


Nguồn: MPI, KIS

Đáng chú ý nhất, Nhật Bản đã trở lại vị trí nhà đầu tư lớn nhất với 1.59 tỷ USD vốn FDI đăng ký, là mức cao nhất trong 32 tháng (đến từ 1.32 tỷ USD cho Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn II). Hàn Quốc đứng ngay sau ở vị trí thứ 2 với 0.95 tỷ USD vốn FDI đăng ký (nhờ có thêm 0.75 tỷ USD vốn bổ sung cho dự án LG Display ở Hải Phòng). Vốn FDI của Trung Quốc, Hồng Kông, và Đài Loan vẫn chậm chạp khi chỉ đạt 0.14 tỷ USD, 0.05 tỷ USD, và 0.06 tỷ USD.

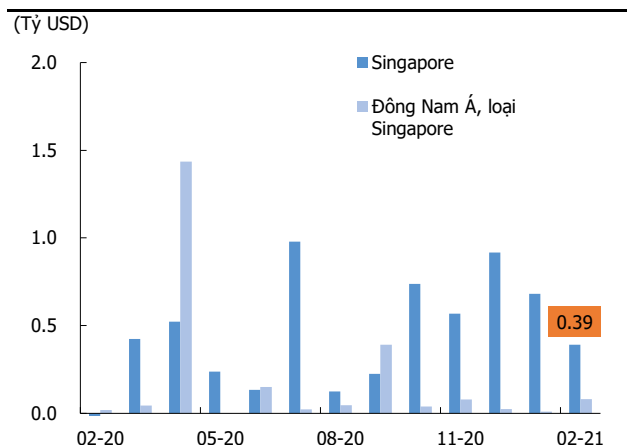
Hình 24. Vốn FDI từ Hàn Quốc và Nhật Bản

Nguồn: MPI, KIS

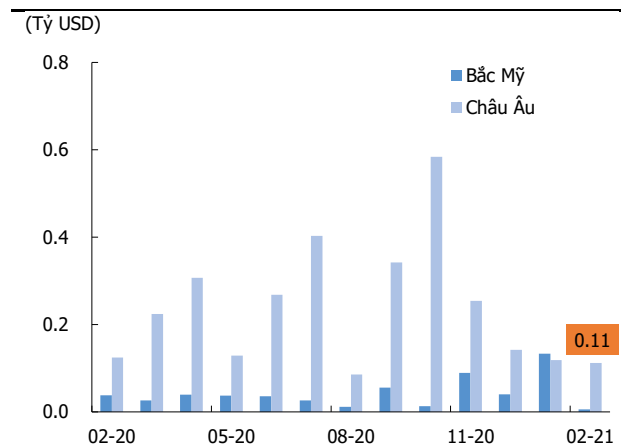
Hình 25. Vốn FDI từ Trung Quốc

Nguồn: MPI, KIS

Vốn FDI của Singapore chậm lại và rơi xuống mức thấp nhất trong 5 tháng là 0.39 tỷ USD. Vốn FDI đăng ký của các nước Đông Nam Á (không bao gồm Singapore), Bắc Mỹ, và Châu Âu vẫn ở mức không đáng kể.

Hình 26. Vốn FDI từ các nước Đông Nam Á

Nguồn: MPI, KIS

Hình 27. Vốn FDI từ các nước Bắc Mỹ và Châu Âu

Nguồn: MPI, KIS

DỰ BÁO:

Sự dịch chuyển các nhà máy sản xuất trên toàn cầu đến Việt Nam, đặc biệt từ các ông lớn công nghệ, đang là chủ đề được quan tâm nhiều nhất gần đây. Foxconn và LG là những cái tên công bố những khoảng đầu tư khổng lồ vào đầu năm. Ngoài ra, theo thông tin gần đây, Foxconn dự kiến sẽ xây dựng thêm một nhà máy khác trị giá khoảng 1.3 tỷ USD, trong khi Intel cũng dự tính huy động thêm nửa tỷ USD cho Intel Products Vietnam (IPV) trong năm nay.

Thêm vào đó, đại dịch COVID19 đang được kiểm soát tốt ở hiện tại, chúng tôi kỳ vọng các hoạt động giải ngân vốn nước ngoài sẽ trở lại ở mức khoảng 1.5 tỷ USD - 2 tỷ USD mỗi tháng.

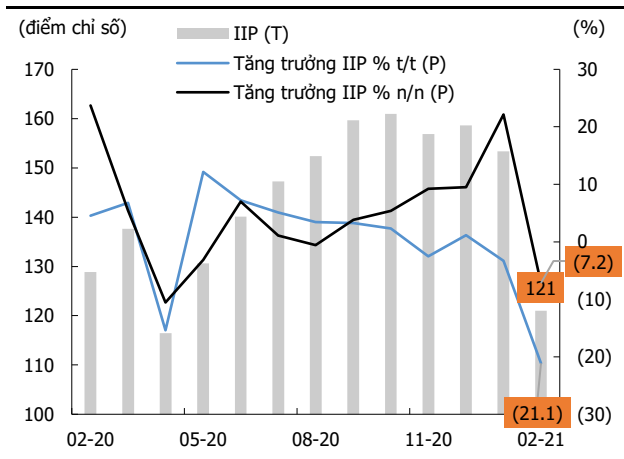
V. Tăng trưởng công nghiệp đối mặt thách thức

Đa số ngành đều giảm mạnh trong tháng Tết

Sự sụt giảm mạnh trong tháng 2 làm gia tăng mối lo ngại về tính bền vững của tăng trưởng công nghiệp trong tương lai. Mặc dù kỳ nghỉ Tết là nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm, nhưng mức giảm mạnh này phần nào đó tệ hơn ước tính của chúng tôi. Theo số liệu mới nhất từ GSO, đến cuối tháng 02, IIP giảm 21.13% t/t và 7.18% n/n, kéo mức sản xuất giảm mạnh gần về mức đáy trong tháng 04 (khi mà toàn quốc ngừng các hoạt động trong vòng nửa tháng).

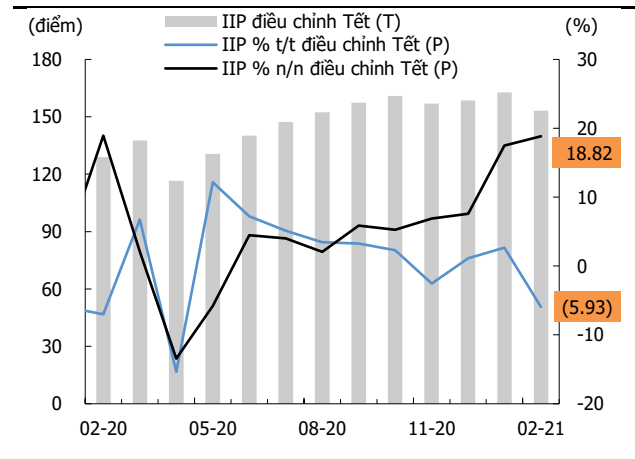
Phân loại theo phân ngành, lĩnh vực sản xuất & chế biến có mức giảm nhanh hơn toàn ngành khi giảm 23.09% t/t (+5.82% n/n). Trong khi đó, lĩnh vực khai khoáng giảm 18.52% t/t xuống mức thấp nhất từ trước đến nay (-23.03% n/n). Ngoài ra, ngành sản xuất và phân phối điện, sản xuất và cung cấp nước cũng giảm lần lượt 9.82% t/t (-2.34% n/n) và 8.68% t/t (+0.07% n/n).

Hình 28. Chỉ số IIP



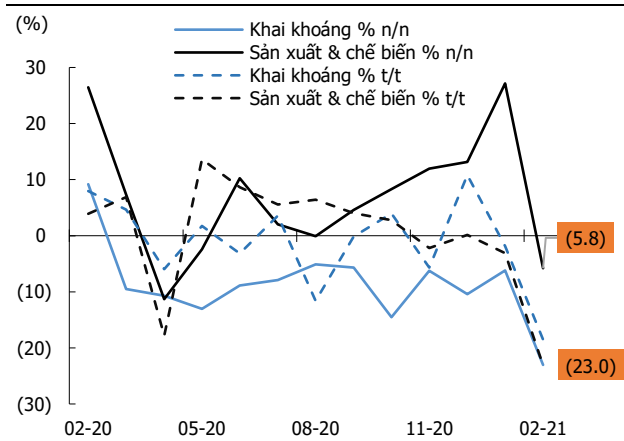
Nguồn: GSO, KIS

Hình 29. Chỉ số IIP điều chỉnh kỳ nghỉ Tết



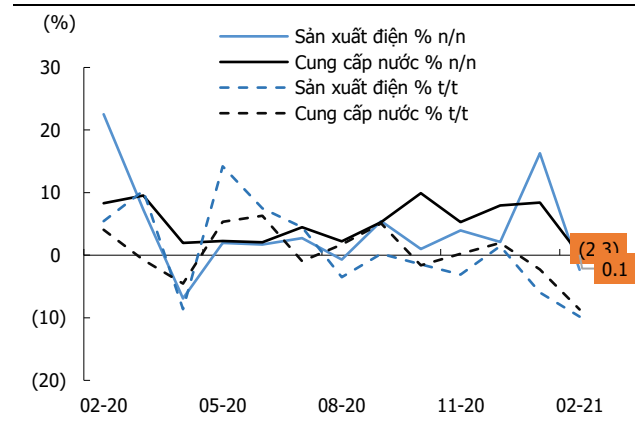
Nguồn: GSO, KIS

Hình 30. Nhóm ngành khai khoáng & chế biến, chế tạo



Nguồn: GSO, KIS

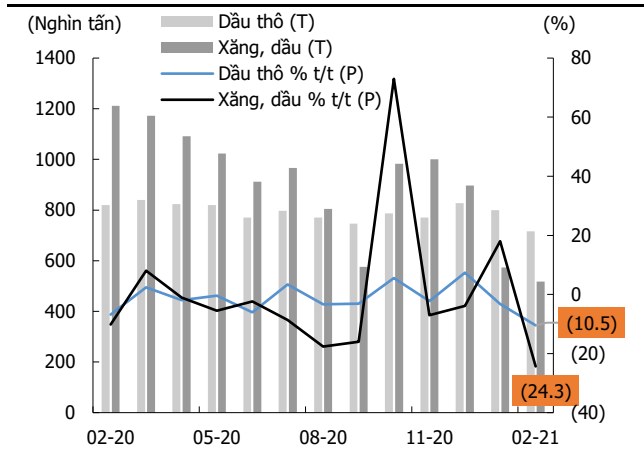
Hình 31. Nhóm ngành sản xuất điện và cấp nước



Nguồn: GSO, KIS

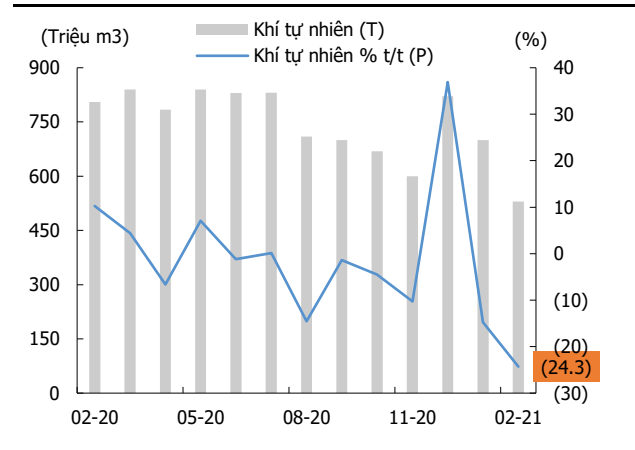
Tình hình sản xuất của các phân ngành công nghiệp và các sản phẩm công nghiệp quan trọng như sau:

Hình 32. Sản lượng sản xuất dầu thô và xăng



Nguồn: GSO, KIS

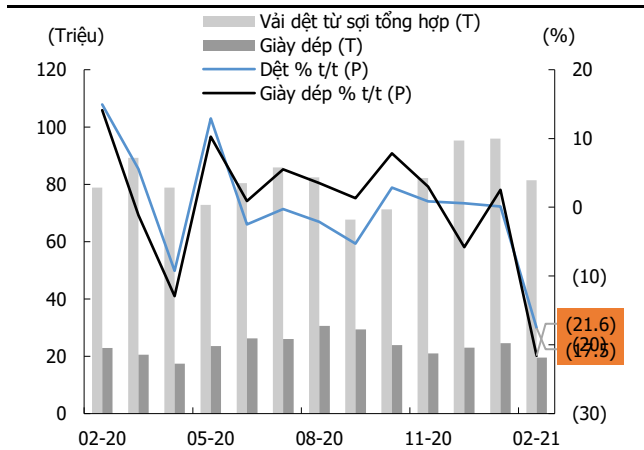
Hình 33. Sản lượng sản xuất khí tự nhiên



Nguồn: GSO, KIS

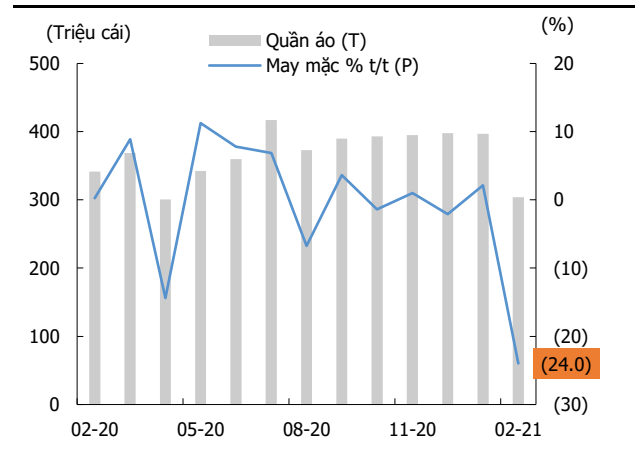
Xu hướng giảm của ngành năng lượng nghiêm trọng hơn trong tháng vừa rồi. Trong đó, sản lượng khai thác dầu thô và khí tự nhiên giảm lần lượt 10.5% t/t và 24.3% t/t, cả hai đều đạt mức thấp kỉ lục mới trong tháng. Tương tự, sản lượng sản xuất xăng dầu cũng giảm 24.3% t/t.

Hình 34. Sản lượng sản xuất dệt may và giày dép



Nguồn: GSO, KIS
Dệt may từ sợi tổng hợp: triệu m2. Giày dép: triệu đôi.

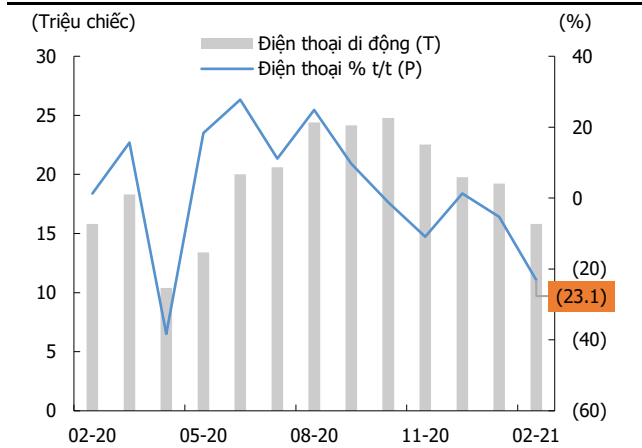
Hình 35. Sản lượng sản xuất quần áo



Nguồn: GSO, KIS

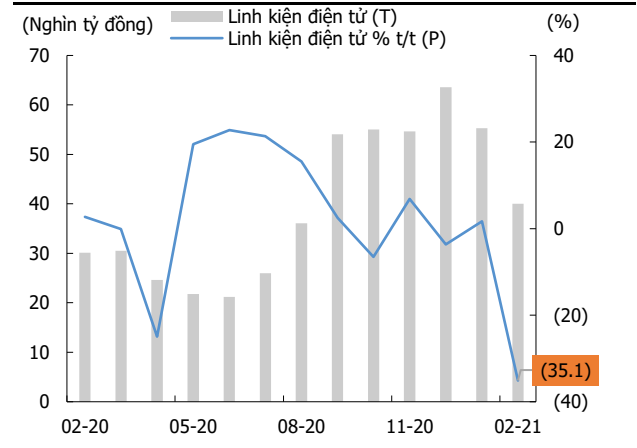
Ngành dệt may, vải vóc và giày dép cũng bị ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ. Trong đó, ngành may mặc và ngành da giày đã giảm lần lượt 24.0% t/t và 21.6% t/t. Ngành dệt cũng ghi nhận mức giảm 17.5% t/t.

Hình 36. Sản lượng sản xuất điện thoại



Nguồn: GSO, KIS

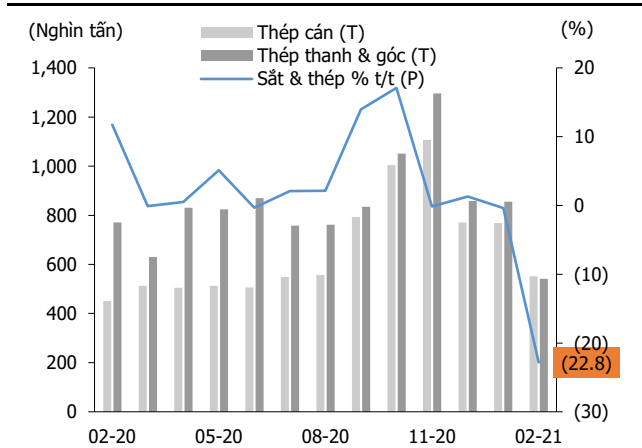
Hình 37. Sản lượng sản xuất linh kiện điện tử



Nguồn: GSO, KIS

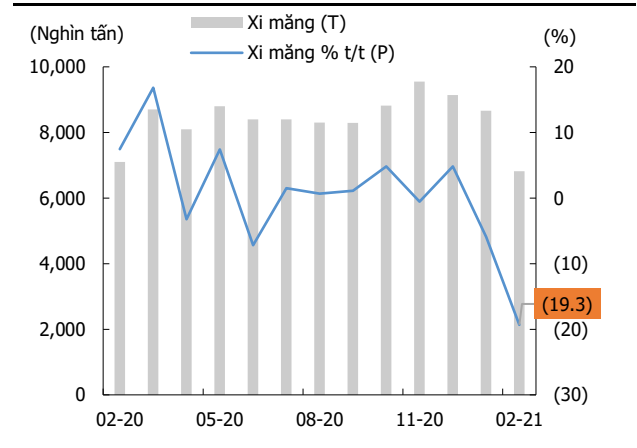
Ngành điện tử cũng có các vấn đề nghiêm trọng khi ghi nhận mức giảm thứ 4 trong vòng 5 tháng gần nhất với đà giảm ngày càng mạnh. Sản xuất linh kiện điện tử và điện thoại giảm lần lượt 35.10% t/t và 23.13% t/t, xuống mức thấp nhất 9 tháng.

Hình 38. Sản lượng sản xuất thép



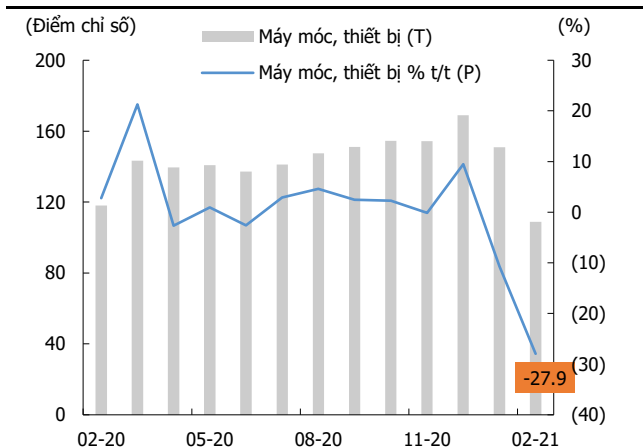
Nguồn: GSO, KIS

Hình 39. Sản lượng sản xuất xi măng

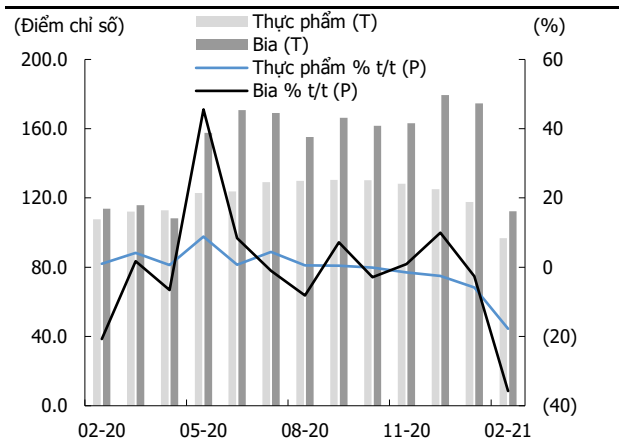


Nguồn: GSO, KIS

Ngành vật liệu xây dựng cũng giảm trong tháng Tết, nhưng mức giảm có phần ít hơn những ngành khác. Cụ thể hơn, sản lượng gang thép và xi măng giảm lần lượt 22.8% t/t và 19.3% t/t.

Hình 40. Production of machinery industry

Nguồn: GSO, KIS

Hình 41. Production of F&B industries

Nguồn: GSO, KIS

Sản lượng sản xuất máy móc ghi nhận mức giảm mạnh 27.95 t/t trong tháng thứ 2 giảm liên tiếp, xuống mức thấp nhất trong 2 năm. Nghiêm trọng hơn, ngành bia bị ảnh hưởng nặng nề do việc cách li xã hội ở các thành phố lớn trong kỳ nghỉ Tết. Kết quả là, sản lượng sản xuất bia giảm 35.74% t/t, gần về mức thấp nghiêm trọng trong tháng 4. Ngoài ra, sản xuất thực phẩm đánh dấu tháng giảm thứ 5 với tăng trưởng âm 17.76% t/t, chạm đến mức thấp nhất trong vòng 3 năm.

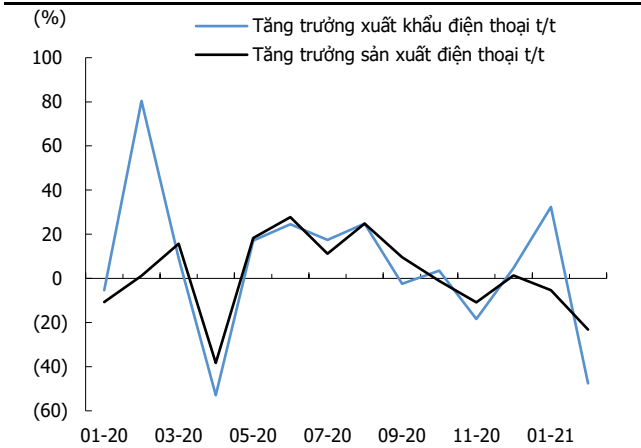
DỰ BÁO:

Hoạt động của ngành công nghiệp đã bị suy yếu đáng kể từ tháng 02, và điều đó làm tăng lo ngại của chúng tôi về việc liệu rằng sự tăng trưởng công nghiệp có thực sự bền vững trong tương lai.

Một vài ngành công nghiệp chính đã có các dấu hiệu đáng lo ngại khi đã giảm vượt trội hơn so với tốc độ giảm của toàn ngành. Cụ thể hơn, ngành sản xuất điện tử và máy móc đứng đầu trong danh sách sụt giảm suốt nhiều tháng do nhu cầu xuất khẩu chậm lại. Ngành khai thác năng lượng cũng có triển vọng ảm đảm khi tiếp tục ghi nhận mức thấp kỉ lục mới.

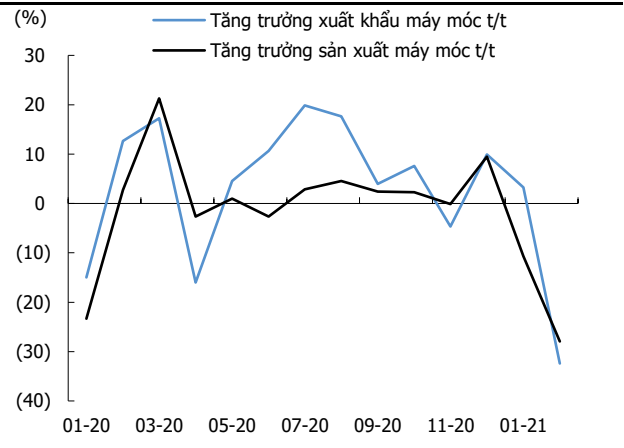
Kết quả vào tháng 03 có thể cho thấy một bức tranh rõ nét hơn về tính bền vững của xu hướng tăng trưởng công nghiệp. Theo dự báo của chúng tôi, chỉ số IIP tháng 03 sẽ phục hồi khoảng 19%-23% t/t, tương đương 4.5%-6.5% n/n.

Hình 42. Sản lượng sản xuất và xuất khẩu điện thoại



Nguồn: GSO, VN Customs, KIS

Hình 43. Sản lượng sản xuất và xuất khẩu máy móc

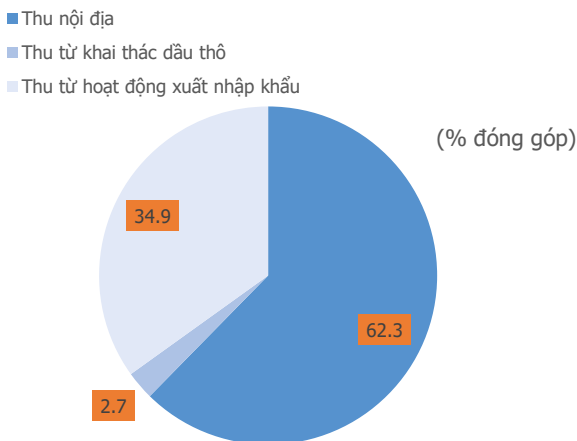


Nguồn: GSO, VN Customs, KIS

VI. Ngân sách thặng dư 78.6 nghìn tỷ đồng

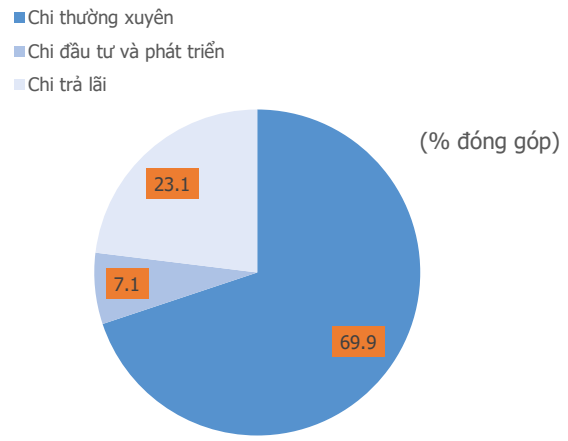
Theo báo cáo mới nhất từ GSO, tổng thu ngân sách nhà nước ghi nhận đạt 220.5 nghìn tỷ đồng, tương đương 16.4% kế hoạch cả năm. Tính theo cơ cấu thu, thu nội địa đạt 194.1 nghìn tỷ đồng, bằng 17.1% ước tính năm. Thu từ dầu thô đạt 3.2 nghìn tỷ đồng, tương ứng với 13.8%. Trong khi đó, thu từ các hoạt động xuất nhập khẩu đạt 22.7 nghìn tỷ đồng, khoảng 12.7%.

Hình 44. Cơ cấu thu nhà nước



Nguồn: GSO, KIS

Hình 45. Cơ cấu chi nhà nước

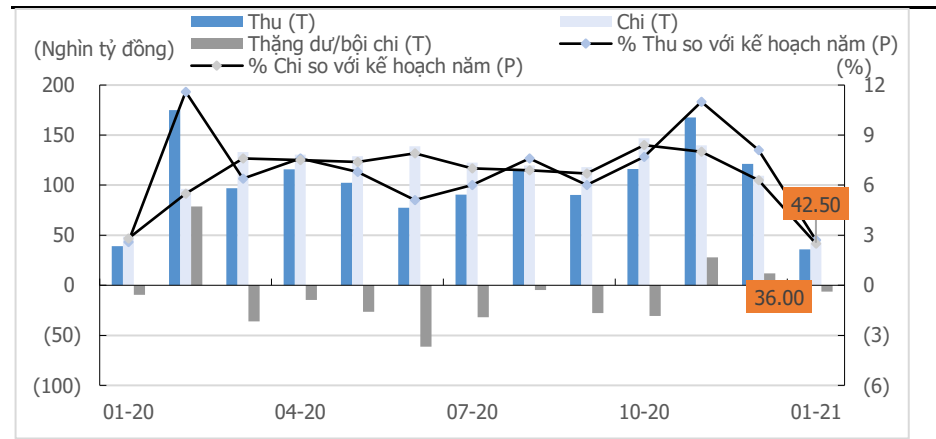


Nguồn: GSO, KIS

Trong khi đó, tổng chi ước tính đạt 148.4 nghìn tỷ đồng, đạt 8.8% ước tính cả năm. Cụ thể, chi thường xuyên ghi nhận 103 nghìn tỷ đồng, khoảng 9.9% kế hoạch năm, chi phát triển và đầu tư đạt 26.9 nghìn tỷ đồng, tương đương 5.6%, và chi trả lãi đạt 18.5 nghìn tỷ đồng, bằng 16.8%.

Kết quả trong vòng 2 tháng đầu năm 2021, ngân sách nhà nước ghi nhận con số thặng dư là 78.6 nghìn tỷ đồng.

Hình 46. Thu và chi ngân sách nhà nước



Nguồn: GSO, KIS

Bảng điểm vĩ mô

(Tỷ USD, USD, %, % n/n)

	09-20	10-20	11-20	12-20	01-21	02-21	1Q20	2Q20	3Q20	4Q20	2017	2018	2019	2020
Tăng GDP thực	2.62			4.48			3.82	0.36	2.62	4.48	6.21	6.81	7.08	7.03
FDI đăng ký	1.67	2.27	2.95	2.10	2.02	3.44	8.55	7.12	5.54	7.32	20.95	35.88	35.47	38.02
GDP bình quân											2,172	2,353	2,551	2,730
Tỷ lệ thất nghiệp											2.33	2.21	2.21	2.25
Xuất khẩu	27.16	27.26	25.24	27.65	28.55	20.00	63.52	59.33	79.74	79.00	176.6	215.1	243.5	263.6
Nhập khẩu	24.20	24.27	24.69	27.91	26.46	20.80	59.69	57.41	69.02	76.46	175.0	213.2	236.7	254.4
Tăng trưởng XK	16.57	12.21	10.73	22.75	55.13	(4.70)	7.99	(6.81)	10.61	13.48	8.99	21.82	13.19	8.16
Tăng trưởng NK	12.58	9.00	15.69	24.51	41.32	10.51	4.03	(9.46)	3.74	15.81	5.55	21.85	11.01	7.41
Lạm phát	2.98	2.47	1.48	0.19	(0.97)	0.70	3.53	3.57	3.81	3.24	2.66	3.53	3.54	2.79
VND/USD	23,188	23,181	23,141	23,126	23,049	23,018	23,637	23,206	23,184	23,126	22,761	22,698	23,175	23,173
Tăng trưởng TD	6.10	6.15	8.46	10.14			1.30	3.26	6.10	10.14	18.25	18.24	13.89	13.70
TPCP 10 năm	2.52	2.21	2.26	2.01	2.03	2.13	3.24	3.07	2.65	2.01	6.23	5.14	5.07	3.37

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2021 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà TNR,
180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

PGD Phạm Ngọc Thạch

Lầu 03, 62A Phạm Ngọc Thạch,
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84 28) 7108 1188
Fax: (+84 28) 3820 9229

Chi nhánh Hà Nội

Lầu 06, Tòa nhà CTM,
299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 3974 4448
Fax : (+84 24) 3974 4501

PGD Bà Triệu

Lầu 06, 74 Bà Triệu, P. Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7106 3555
Fax: (+84 24) 3632 0809

PGD Láng Hạ

P.504A, Lầu 05, Tòa nhà TDL,
22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7108 1188
Fax : (+84 24) 3244 4150

Báo cáo này được thực hiện bởi KIS Vietnam Securities Corp. và chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS Vietnam Securities Corp. không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này. Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp, những người sẽ tự đưa ra quyết định đầu tư mà không phụ thuộc quá mức vào báo cáo này và công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hậu quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của báo cáo.

Bản quyền © 2021 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..